

Số: 2603800

|                                            | Kia New Sonet 1.5 AT | Mazda2 1.5L Deluxe  |
|--------------------------------------------|----------------------|---------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>499.000.000đ</b>  | <b>459.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                      |                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4120 x 1790 x 1642   | 4355 x 1695 x 1470  |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2500                 | 2570                |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                 | 5000                |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 205                  | 140                 |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1095                 | 1109                |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1580                 | 1528                |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 392                  | 440                 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                   | 44                  |
| Số chỗ ngồi                                | 5                    | 5                   |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước     | Nhập Khẩu           |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                      |                     |
| Loại động cơ                               | Smartstream 1.5G     | Skyactiv-G 1.5L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1497                 | 1496                |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 113 Hp / 6300 rpm    | 110 / 6000          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 Nm / 4500 rpm    | 144 / 4000          |
| Hộp số                                     | CVT                  | 6AT                 |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)      | Cầu trước (FWD)     |
| Hệ thống treo trước                        | MacPherson           | Độc lập McPherson   |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn           | Thanh xoắn          |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                  | Đĩa                 |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống           | Đĩa                 |
| Thông số lốp xe                            | 215/60 R16           | 185/65 R15          |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.67                 | 7.91                |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.55                 | 5.07                |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.97                 | 6.11                |
| Chế độ lái                                 | -                    | Normal/Sport        |
| Chế độ địa hình                            | -                    | -                   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                      |                     |
| Cụm đèn trước                              | Halogen              | LED                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                    | -                   |
| Đèn ban ngày LED                           | Halogen              | Halogen             |
| Cụm đèn sau                                | Halogen              | Halogen             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                    | ●                   |
| Gạt mưa tự động                            | -                    | -                   |
| Cửa sổ trời                                | -                    | -                   |
| Trang bị khác                              | Bagia mui            |                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                      |                     |
| Vô lăng bọc da                             | Urethane             | -                   |
| Chất liệu ghế                              | Da Simili            | Nỉ                  |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                    | ●                   |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                    | ●                   |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                    | ●                   |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2"                 | Analog + Digital    |

|                                    |          |          |
|------------------------------------|----------|----------|
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8"       | 7"       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●        | ●        |
| Hệ thống điều hòa tự động          | Chỉnh cơ | Chỉnh cơ |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●        | -        |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa    | 6 loa    |

#### **AN TOÀN:**

|                                         |   |   |
|-----------------------------------------|---|---|
| Số túi khí                              | 2 | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Camera lùi                              | ● | ● |